



Công ty TNHH XD-TM-TTNT Phương Lai






Địa chỉ :181/61/2 Phan Đăng Lưu – P.1 – Q. Phú Nhuận (hoá đơn)

VPGD : 86 Văn Chung, phường 13, quận Tân Bình, TP.HCM

Tel: 38130373 - Fax: 38130393 – MST : 0303750548







BẢNG GIÁ FOTEK (TAIWAN) 01 / 05/ 2011

(Giá chưa bao gồm thuế VAT)

HÌNH ẢNH	MÔ TẢ	MÃ SP	GIÁ (USD)
 Fotek A3R Trực tiếp	Cảm biến quang trực tiếp; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 2m	A3R-2MX	37.4
	Cảm biến quang trực tiếp; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 1m	A3R-1MX	28.6
	Cảm biến quang trực tiếp; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 30cm	A3R-30X	28.6
 Fotek A3G Phản xạ gương	Cảm biến quang phản xạ gương; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 4m; không chỉnh độ nhạy	A3G-4MX	37.0
	Cảm biến quang phản xạ gương; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 3m; có chỉnh độ nhạy	A3G-2MR	33.9
 Fotek A3T Thu phát	Cảm biến quang thu phát đối xứng; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 20m; không chỉnh độ nhạy	A3T-20MX	43.2
	Cảm biến quang thu phát đối xứng; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 10m; không chỉnh độ nhạy	A3T-10MX	42.0
	Cảm biến quang thu phát đối xứng; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 3m; không chỉnh độ nhạy	A3T-3MX	37.0
	Cảm biến quang hình trụ M18; thu phát đối xứng; nguồn cấp 10-30VDC; khoảng cách phát hiện 10m; Ngõ ra NPN NO; Có chỉnh độ nhạy	CDT-10MX	42.3
	Cảm biến quang hình trụ M18; phản xạ gương; nguồn cấp 90-250VAC; khoảng cách phát hiện 0.1-2.0m; Ngõ ra SCR	CAM-2MX	29.1
	Cảm biến quang hình trụ M18; trực tiếp; nguồn cấp 90-250VAC; khoảng cách phát hiện 10cm; Ngõ ra SCR	CAR-10X	31.6
	Cảm biến quang hình trụ M18; trực tiếp; nguồn cấp 10-30VDC; khoảng cách phát hiện 30cm; Ngõ ra NPN NO và PNP NO	CDR-30X	22.2

	Cảm biến quang hình trụ M18; trực tiếp; nguồn cấp 10-30VDC; khoảng cách phát hiện 10cm; Ngõ ra NPN NO và PNP NO	CDR-10X	22.2
	Cảm biến quang hình trụ M18; phản xạ gương; nguồn cấp 10-30VDC; khoảng cách phát hiện 0.1-1.6m; Ngõ ra NPN NO và PNP NO	DM-1MN	19.8
	Cảm biến quang thu phát đối xứng; kích thước nhỏ gọn; kín nước; nguồn cấp 10-30VDC; ngõ ra NPN NO và PNP NO; khoảng cách phát hiện 6m	MT6-MX	38.1
	Cảm biến quang trực tiếp; kích thước nhỏ gọn; kín nước; nguồn cấp 10-30VDC; ngõ ra NPN NO và PNP NO; khoảng cách phát hiện 30cm	MR-30X	28.2
	Cảm biến quang trực tiếp; kích thước nhỏ gọn; kín nước; nguồn cấp 10-30VDC; ngõ ra NPN NO và PNP NO; khoảng cách phát hiện 60cm	MR-60X	28.2
	Cảm biến quang phản xạ gương; kích thước nhỏ gọn; kín nước; nguồn cấp 10-30VDC; ngõ ra NPN NO và PNP NO; khoảng cách phát hiện 2m	MG -2MX	28.2
	Cảm biến quang phát hiện vạch màu thay đổi (đậm và lợt ví dụ đỏ(Red) và vạch màu xanh lá(Green)); Khoảng cách phát hiện 25mm; Nguồn cung cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN / PNP NO	MS-02W	67.9
	Cảm biến quang phát hiện vạch màu thay đổi (đậm và lợt ví dụ đỏ(Red) và vạch màu xanh lá(Green)); Khoảng cách phát hiện 25mm; Đáp ứng 0.2mS; Nguồn cung cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN / PNP NO	FM-01G	49.4
	Cảm biến quang dạng U; Khe hở 2mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO; Đáp ứng 10KHz; Chính được độ nhạy; Thích hợp cho máy đóng gói, bao bì.	SU-02	42.3
		Cảm biến quang dạng U; Khe hở 25mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO; Đáp ứng 1KHz; Chính được độ nhạy; Thích hợp cho máy đóng gói, bao bì.	SU-07
	Cảm biến quang dạng U; Khe hở 30mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO; Đáp ứng 1KHz; Chính được độ nhạy; Thích hợp cho máy đóng gói, bao bì.	SU-30X	35.9
	Cảm biến quang dạng U; Khe hở 30mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN Nc; Đáp ứng 1KHz; Chính được độ nhạy; Thích hợp cho máy đóng gói, bao bì.	SU-30XP	35.9

	Cảm biến sợi quang; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN và PNP NO/NC (thay đổi được); Đáp ứng 0.15mS;	FF-03R	37.0
	Cảm biến quang trực tiếp; nguồn cấp 12-240VAC / DC; ngõ ra relay; khoảng cách phát hiện 60cm	E3R-60X	43.7
	Cảm biến quang trực tiếp phi 7; phát hiện 30mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO;	PH07-03N	43.7
	Cảm biến quang trực tiếp phi 8; phát hiện 30mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO;	PH08-03N	43.7
	Photo sensor UR-30N , 30P (Quang mini trực tiếp đầu 18mm)	UR-30N	33.9
	Photo sensor UR-30N , 30P (Quang mini trực tiếp đầu 18mm)	UR-30P	33.9
	Photo sensor E2R-30N (Quang mini trực tiếp)	E2R-30N	33.9
			42.3
	Photo sensor A-11 (amplie của SC-6M)	A-11	
	Photo sensor SC-6M (quang đối 6m mini)	SC-6M	20.6
			49.7
	Photo sensor FL-13N (Báo mức)	FL-13N	
			15.5
	Cáp quang (3mét)		
	Cảm biến quang vùng 8 tia x 25mm; Chiều cao 180mm; khoảng cách 5m; Nguồn cấp 24VDC; ngõ ra NPN NO	LC-08	217.9
	Cảm biến quang vùng 12 tia x 25mm; Chiều cao 280mm; khoảng cách 5m; Nguồn cấp 24VDC; ngõ ra NPN NO	LC-12	286.7
	Cảm biến quang vùng 16 tia x 25mm; Chiều cao 380mm; khoảng cách 5m; Nguồn cấp 24VDC; ngõ ra NPN NO	LC-16	355.5
	Cảm biến quang vùng 4 tia x 40mm; Chiều cao 120mm; khoảng cách 5m; Nguồn cấp 24VDC; ngõ ra NPN NONA-04 (quang vùng 4 Beam = 40)	NA-04	112.4
	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 18mm; khoảng cách phát hiện 8mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	PM18-08N PM18-08P	14.3
	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 18mm; khoảng cách phát hiện 8mm; Nguồn cấp 90-250VAC; Ngõ ra SCR	PM 18-08S	21.2
	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 12mm; khoảng cách phát hiện 4mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	PM12-04N PM12-04P	11.2
	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 12mm; khoảng cách phát hiện 4mm; Nguồn cấp 90-250VAC; Ngõ ra SCR	PM12-04S	20.3
	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 12mm; khoảng cách phát hiện 2mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	PM12-02N PM12-02P	11.2

	Cảm biến tiệm cận (proximity sensor), loại từ, hình trụ, đường kính 8mm; khoảng cách phát hiện 2mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	PM08-02N PM08-02P	12.7
	Proximitysensor PL-05,05P (nt)	PL-05 PL-05P	5.7
	Proximitysensor PS-10N (nt)	PS-10N	12.7
	Proximitysensor PS-10P (nt)	PS-10P	12.7
	Proximitysensor PS-15N (nt)	PS-15N	14.3
	Proximitysensor PS-10S 220V (nt)	PS-10S 220V	14.1
	Cảm biến tiệm cận, loại điện dung (capacity sensor), hình trụ, đường kính 18mm; khoảng cách phát hiện 30mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	CP18-30N CP18-30P	22.2
	Cảm biến tiệm cận, loại điện dung (capacity sensor), hình trụ, đường kính 30mm; khoảng cách phát hiện 50mm; Nguồn cấp 10-30VDC; Ngõ ra NPN NO / PNP NO	CP30-50N CP30-50P	34.8
	Capacitive sensor CP13-10N (điện dung báo mức)	CP13-10N	47.6
	Controller C2 (bộ điều có định thời gian)		46.4
	Controller C6 (bộ điều không định thời gian)		10.2
	FR1 220V (rơ lay mực nước)		10.7
	Relay bảo vệ quá áp, thiếu áp, mất pha, đảo pha dùng cho nguồn 3 pha -Voltage & pha relay PVR-3-380V		27.7
	Relay bảo vệ quá áp, thiếu áp, mất pha, đảo pha dùng cho nguồn 1 pha - Voltage & pha relay PR-1-230V		14.1
	Humidity HS-1		97.5
	Humidity HS-2		97.5
	Timer H5B-M1,M3,M6,.M3H. 220V		11.5
	Timer H3.6S; 10S ; 30S....., 220V		9.2
	Timer H3Y.6S; 10S ; 30S....., 220V		9.2
	Timer H3-TRD - 30S Sao - Tam Giác		14.3
	MY-6S-2P-220V		11.5
	MY-10S-2P-220V		11.5
	MY-30S-2P-220V		11.5
	MY-3M-2P-220V		11.5
	MY-10M-2P-220V		11.5
	MY-10S-4P-220V		12.3
	MY-30S-4P-220V		12.3
	Timer H5B-TF-30S Off Delay		20.6
	Timer STPY-M1,M3,M6 220V		12.2
	Timer TDVY-M6 &M12H , M3H 220V (hai chế độ)		13.9
	Timer SY-2D 220V (hiển thị số)		27.3
	Timer SY-3D 220V (hiển thị số)		34.4
	Timer SY-4D 220V (hiển thị số)		39.7
	Timer H5T-4D (48x 48 phím cứng hiển thị số)		39.7

Timer TM48-4D 220V	(phím mềm hiển thị số)		51.6
Timer TM50-3D 220V	(phím mềm hiển thị số)		42.4
Timer TMP48-4D 220V	(phím mềm hiển thị số)		71.1
Cuonter MC-361	(phím mềm hiển thị số)		103.2
Cuonter & Metter SC-362M	(phím mềm)		82.6
Cuonter Single Preset C-341	(phím mềm hiển thị số)		63.5
Counter C-3427 220V			96.1
Counter C-3617 220V	(TOTAL & SINGLE PRESET)		88.9
Counter C-3616 220V	(TOTAL & SINGLE PRESET)		82.6
Counter C-342 110-220V			80.3
Counter C-362 110-220V			92.6
Counter SC-4D 220V			46.9
Counter SC-3D 220V			37.0
Counter SC2D 220V			32.6
Counter 260			67.9
Counter SC-261			78.0
Counter H5C-4D			49.4
Counter HC42P 110-220V			97.0
Counter HC-52P 110-220V			105.8
Counter HC-61P 110-220V			80.3
Counter HC-41P & HC2-1P 110-220V			60.7
Counter HC6T 110-220V	(hiển thị)		55.6
Tachomett M20 (hiển thị)			67.9
Tachomett M21 (hiển thị + set)			86.4
Encoder WE-M1	(đo chiều dài metter)		51.2
Encoder WE-M4T	(đo chiều dài m/m metter)		56.4
Temperature TC4896-DA-KA	(0-399)		52.0
Temperature TC4896-DA-KA-H	(0-399)		88.2
Temperature TC4896-DD-K-R-3A	(Alarm)		67.0
Temperature TC96-AA-K-R-4 ; 72-AA-K-R-4			30.0
Temperature TC96-AD-K-R-4	(biến trở hiển thị)		46.9
Temperature TC96-AN-K-R-4 ; TC72AN-K-R4	(biến trở)		21.2
Temperature TC48-AN-K-R-4 & R2	(biến trở)		21.2
Temperature TC4896-DD-K-R-3S	(bấm số hiển thị)		55.6
Temperature TC72-DD-K-R - 96DD-48DD	(bấm số hiển thị)		48.2
Temperature TC72-AD-K-R-4	(biến trở hiển thị)		46.9
Temperature H5-AN-R4 & R2	(biến trở)		18.5
Temperature MT96-R	(phím mềm hiển thị)		61.7
Temperature MT96-L 4-20m/m A	(nt)		67.0
Temperature MT4896-R	(nt)		56.4
Temperature MT72-R	(nt)		56.4
Temperature MT72- L	(phím mềm hiển thị)		61.7
Temperature MT48-R	(nt)		52.9
Temperature MT21-R	()		61.7
Temperature MT20-R	()		56.4
CT Trong đồng hồ nhiệt			21.2
Temperature & Dewpoint & Humidity Meter DPM-2			153.5
Thermocouple TS-7-K-17-400mm Sứ			48.5
Therrmocouple TS-7-K-17-500mm Sứ			51.9
Thermocouple TS-7-K-17-600mm Sứ			55.6
Thermocouple TS-8-K-17-800mm (200mm+500mm)			122.6
Thermocouple TS-PT100-9.5-100-T4			23.5
Thermocouple TS-PT100-9.5-200-T4			23.5

	Thermocouple TS-PT100-9.5-300-T4		24.7
	Thermocouple TS-PT100-9.5-400-T4		24.7
	Thermocouple TS-K-9.5-100-T4		21.0
	Thermocouple TS-K-9.5-200-T4		21.0
	Thermocouple TS-K-9.5-300-T4		22.2
	Thermocouple TS-K-9.5-400-T4		23.5
	HPR-100AA-H : SSR 1 pha (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 1 pha 90-480VAC, 100A)	HPR-100AA-H	73.0
	HPR-100DA-H : SSR 1pha (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC, 100A)	HPR-100DA-H	69.9
	ESR-100AA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 3 pha 90-480VAC, 100A)	ESR-100AA-H	130.2
	ESR-100DA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC, 100A)	ESR-100DA-H	117.5
	SSR 75DA-H (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC, 75A)	SSR 75DA-H	21.2
	SSR 40LA (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 24-380VAC, 40A)	SSR 40LA	26.1
	SSR-F-40DA+HS-BR-1		23.5
	SSR 40DA-H (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC, 40A)	SSR 40DA-H	13.7
	SSR 40DA (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 24-380VAC, 40A)	SSR 40DA	10.2
	SSR 40AA (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 1 pha 24-380VAC, 40A)	SSR 40AA	12.3
	SSR 40AA-H (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 1 pha 90-480VAC, 40A)	SSR 40AA-H	15.0
	SSR 40VA & 25VA		12.3
	SSR 40VA-H		14.1
	SSR 25DA-H (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC, 25A)	SSR 25DA-H	12.8
	SSR 25DA (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 24-380VAC, 25A)	SSR 25DA	9.3
	SSR 25AA (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 1 pha 24-380VAC, 25A)	SSR 25DA	12.2
	SSR 10DA-H (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 90-480VAC)	SSR 10DA-H	12.8
	SSR 10DA (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 1 pha 24-380VAC, 10A)	SSR 10DA	8.8
	SSR 10DD		13.0
	SSR P03DA		7.9
	TSR-40AA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 3 pha 90-480VAC, 40A)	TSR-40AA-H	61.7
	TSR-75AA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 90-250VAC, Tải 3 pha 90-480VAC, 25A)	TSR-75AA-H	98.8
	TSR-40DA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 3 pha 90-480VAC, 40A)	TSR-40DA-H	54.9
	TSR-75DA-H : SSR 3 pha (Áp điều khiển 3-32VDC, Tải 3 pha 90-480VAC, 75A)	TSR-75DA-H	90.1
	TSR-100 - Đế tản nhiệt SSR		9.9
	SF-23092A - Quạt tản nhiệt SSR		7.4
	Power regulator DSC - 240		81.4
	Power regulator DSC - 340		89.4
	Power regulator DSC - 365V		92.6
	KTW-15 1/2' (Flow sensor NPN 4-20mA hoặc 0-5V)PP-PVC		190.1
	KTW-20 3/4" "		190.1
	KTW-25 1" "		190.1
	KTW-40 1 1/2" "		263.8
	KTW-50 2" "		299.5
	KTW-65 2 1/2" "		467.7

KTM-08 1/4' (Flow sensor NPN 4-20mA hoặc 0-5V) SUS316		299.5
KTM-10 3/8"	"	299.5
KTW-15 1/2"	"	299.5
KTW-20 3/4"	"	768.4
KTW-25 1"	"	915.8
KTW-40 1 1/2"	"	1062.1
KTW-50 2"	"	1207.3
KTW-65 2 1/2"	"	1426.2
KTS-15 1/2' (Paddle Wheel Flow Sensor & meter) PP-PVC		117.5
KTS-20 3/4"	"	117.5
KTS-25 1"	"	132.5
KTS-40 1 1/2"	"	153.2
KTS-50 2"	"	190.1
KTS-65 2 1/2"	"	358.3
KTP-151/2"(PaddleWheel FlowSensor & Meter 4-20mAPP-PVC		299.5
KTP-20 3/4'	"	299.5
KTP-25 1"	"	314.5
KTP-40 1 1/2"	"	336.4
KTP-50 2"	"	373.2
KTP-65 2 1/2"	"	541.4
KTM151/2 (Paddel Wheel Flow Sensor &Meter 4-20mA SUS316		423.9
KTM-20 3/4"	"	877.8
KTM-25 1"	"	998.8
KTM-40 1.1/2"	"	1155.5
KTM-50 2"	"	1301.8
KTM-65 2.1/2"	"	1521.8
KTW-15 1/2' (Flow sensor NPN 4-20mA hoặc 0-5V)SUS316		226.9
Van điện DNI-D (UW-10)		
Van điện UNI-D (UW-15 . 220)		
Van điện UNI-D (UW-20 . 220)		
Van điện UNI-D (UW-25 . 220)		
Van điện UNI-D (UW-35 . 220)42mm		
Van điện UNI-D (UW-40 . 220)49mm		
Van điện UNI-D (US-15 . 220)		
Van điện UNI-D (US-20 . 220)		
Cos xanh đỏ (VS 2.4-4K/Y)		
Dây bù nhiệt (K)		
Công tác hành trình MONIEU (8018-8104-9101-8017....)		